

Bản án số: 94/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 6 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái

Ông Nguyễn Minh Trọn

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Võ Thúy Nhị – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Châu Kim N, sinh năm 2004. Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn V, sinh năm 1998. Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh V chung sống với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau vào ngày 31/5/2023. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng thời gian sau giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, do không hòa hợp trong lối sống, không có tiếng nói chung, anh V có hành vi bạo lực với chị, anh chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2023 đến nay, không thể hàn gắn, nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh V.

- Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Nhã H, sinh ngày 09/5/2023, hiện đang sống cùng với anh V. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục giao con chung cho anh V nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N yêu cầu xét xử vắng mặt, anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh V chung sống với nhau năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo chị N xác định quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, do không hòa hợp trong lối sống, không có tiếng nói chung, anh V có hành vi bạo lực với chị, anh chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2023 đến nay, không thể hàn gắn, từ nguyên nhân trên nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh V.

Đối với anh V không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị N cho thấy anh V không có nguyện vọng để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị N được ly hôn với anh V là phù hợp và đúng quy định.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu H đang sống cùng với anh V, chị N thống nhất giao cháu cho anh V tiếp tục nuôi, anh V không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó để tiếp tục ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu H cho anh V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có, anh V không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu 300.000 đồng.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Châu Kim N được ly hôn với anh Phạm Văn V.
2. Về con chung: Giao Phạm Nhã H, sinh ngày 09/5/2023 cho anh V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Châu Kim N phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003218 ngày 16/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.
4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.
5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- UBND thị trấn C, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Việt Khải

Nguyễn Minh Trọn

Hồ Dũng Liêm